

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON 11

Số: 245/CK-MN11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 5, ngày 25 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Công khai theo Thông tư 09)

Năm học: 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên trường: Trường Mầm non 11 Quận 5

Tên trước đây: Trường Mẫu giáo 11 Quận 5

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 5.

Trụ sở chính: 139 Triệu Quang Phục, Phường 11, Quận 5, Tp.HCM

Cơ sở 2: 715 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Tp.HCM

Điện thoại: 028.3855.6230

Website: mn11q5.hcm.edu.vn

Fanpage: Trường Mầm non 11 Quận 5

Mail: mamnon.p11q5@gmail.com

Hiệu trưởng: Nguyễn Thanh Thúy

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

+ CBQL: 03 người. Trong đó:

Thạc sĩ: 03/03

+ Giáo viên: 20 người. Trong đó:

Thạc sĩ: 02/20

Đại học sư phạm: 15/20

Cao đẳng sư phạm: 03/20

+ Nhân viên: 09 người. Trong đó: 01 kế toán, 01 thủ quỹ, 02 bảo vệ, 04 nhân viên nấu ăn, 01 nhân viên phục vụ.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

+ CBQL:

Trên chuẩn: 03/03, tỷ lệ 100%

+ Giáo viên:

Đạt chuẩn: 20/20, tỷ lệ 100%

Trên chuẩn: 17/20, tỷ lệ 85%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

+ CBQL: 03/03, tỷ lệ 100%

+ Giáo viên: 20/20, tỷ lệ 100%

+ Nhân viên: 09 /09, tỷ lệ 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định :

Trường có 2 điểm học với tổng diện tích đất là 2090,75 m² : tổng số trẻ là 179 trẻ

+ Điểm chính (139 Triệu Quang Phục, phường 11 quận 5): 1508,98 m².

+ Điểm lẻ (715 Nguyễn Trãi, phường 11 quận 5): 581,77 m².

+ Diện tích đất bình quân/1 trẻ: 11,6 m² phù hợp với yêu cầu tối thiểu theo quy định là 10 m² trẻ .

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Nhà trường có 09 phòng học được sắp xếp và bố trí cho 04 nhóm trong đó có 01 lớp nhà trẻ và 08 lớp mẫu giáo. Phòng sinh hoạt được sử dụng chung với phòng ngủ là nơi cho trẻ học, chơi, ăn, ngủ với tổng diện tích là 548,4 m²/ 179 trẻ, trung bình 3.06 m²/ trẻ.

Sân chơi của trẻ có diện tích là 256.5 m² được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định như: Thang leo, cầu thăng bằng, cầu trượt có khu vực chơi các trò chơi vận động, chơi cát, nước. Khu vực trẻ chơi được lót thảm cỏ, khu vực vận động được trải thảm mousse, an toàn cho trẻ

Trường có 06 phòng chức năng:

+ 02 phòng nghệ thuật: 120 m²

+ 02 phòng thể chất: 144.6 m²

+ 02 phòng đa chức năng: 90 m²

Khối phòng hành chính quản trị

+ 01 phòng Hiệu trưởng: 24 m²

- + 01 phòng Phó Hiệu trưởng: 21,7 m²
- + 01 phòng hành chính quản trị: 18 m²
- + 01 phòng y tế: 12 m²
- + 01 phòng bảo vệ: 14 m²

Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố ở khu riêng biệt theo quy định Điều lệ trường mầm non có diện tích 85m² /179 trẻ (đạt 0.4 m²/trẻ) đảm bảo quy định theo tiêu chuẩn Điều lệ trường mầm non. Bếp ăn gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo quy định bếp một chiều với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: 09 bộ/ 09 nhóm lớp

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời: 30 danh mục

❖ Một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác:

- + Hệ thống camera: 09/09 nhóm lớp và tất cả các khu vực xung quanh trường
- + Máy lạnh: 09/09 nhóm lớp
- + Máy vi tính: 09/09 nhóm lớp
- + Tivi: 09/09 nhóm lớp
- + Bảng tương tác: 01 cái
- + Kết nối Wifi các khu vực toàn trường.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 (Năm học 2021-2022).

- a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: đã công khai trên website của trường
- b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm: năm học 2023-2024, trường không thực hiện đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng giáo dục

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

- a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan:

+ Công khai kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 trên trang website đơn vị, fanpage đơn vị, gửi tin nhắn cho phụ huynh qua hệ thống VnEdu: Tháng 5/2024

+ Công khai danh sách tuyển sinh năm học 2024-2025 các khối lớp Đợt 1 tại khu vực trực tuyển sinh của đơn vị: từ 17/6/2024 đến 28/6/2024

+ Công khai danh sách tuyển sinh năm học 2024-2025 các khối lớp Đợt 2 tại khu vực trực tuyển sinh của đơn vị: từ 29/7/2024 đến 09/8/2024

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục:

+ Kế hoạch chăm sóc giáo dục năm học 2024-2025: công khai Tháng 9/2024 tại hệ thống văn bản.

+ Kế hoạch chăm sóc giáo dục tháng: công khai trước ngày 20 của tháng trước tại hệ thống văn bản.

+ Kế hoạch giáo dục năm tại 09/09 nhóm lớp: công khai Tháng 8/2024 tại các tổ khối

+ Kế hoạch giáo dục tháng tại 09/09 nhóm lớp: công khai trước ngày 20 của tháng trước tại các tổ khối.

+ Kế hoạch giáo dục tuần, ngày tại 09/09 nhóm lớp: công khai vào ngày thứ sáu của tuần trước vào Sổ liên lạc điện tử của PH.

+ Kế hoạch chủ đề tại 09/09 nhóm lớp: công khai vào ngày thứ sáu của tuần trước vào Sổ liên lạc điện tử của PH.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội:

+ Trao đổi thông tin, liên lạc giữa nhà trường và gia đình: ứng dụng Sổ liên lạc điện tử VnEdu.

+ Công khai lưu trữ hình ảnh hoạt động và xây dựng video clip phục vụ cho công tác chăm sóc và giáo dục trẻ: ứng dụng Padlet tại các lớp.

+ Công khai, tuyên truyền các hoạt động tổ chức thực hiện tại đơn vị: trang Fanpage và trang Website của nhà trường, Album ảnh trên ứng dụng VnEdu.

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em: công khai vào ngày thứ sáu của tuần trước vào Sổ liên lạc điện tử của PH.

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có)

➤ Tổ chức dạy Tiếng Anh cho mẫu giáo theo thông tư 50:

+ Tên công ty: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC EA.

+ Học phí: 310.000/trẻ/tháng (bao gồm tất cả các chi phí: về giáo viên, phương tiện hỗ trợ học tập, thuế VAT 10%...).

+ Thời lượng học: 30 phút/ tiết; 2 tiết/tuần với người nước ngoài

+ Giáo viên: 1 GV bản ngữ và 1 GV trợ giảng

+ Chương trình học: 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi.

- + Giáo trình học: Kickstar 1,2,3 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Tổ chức dạy ngoại khóa môn Aerobic và Võ cho trẻ tại trường:
- + Tên công ty: CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC NĂNG KHIẾU NGHỆ THUẬT BB CAT.
- + Học phí: 90.000/trẻ/tháng (bao gồm tất cả các chi phí: về giáo viên, phương tiện hỗ trợ học tập, thuế VAT 10%...).
- + Thời lượng học: 30 phút/ tiết; 2 tiết/tuần
- + Giáo viên: 1 GV chuyên môn
- + Chương trình học: 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi.

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước (2023-2024):

(Đính kèm báo cáo kết quả cân đo cuối năm học 2023-2024)

a) Tổng số trẻ em: 228 trẻ

Tổng số nhóm, lớp: 10 nhóm, lớp

Số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp: 2,3 trẻ/ nhóm, lớp

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép: 0

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 0

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 228 trẻ

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 228 trẻ

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi: 76/76 trẻ khối Lá hoàn thành chương trình giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

g) Số trẻ em khuyết tật: 0

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung số lượng trẻ em đang học: Không có.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đính kèm Báo cáo Tài chính Năm 2023

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Các Thành tích Khen thưởng năm học 2023-2024

* Tập thể xuất sắc năm học 2022-2023 (Số 3539/QĐ- KT ngày 22 tháng 8 năm 2023 UBND Tp.HCM cấp)

* Thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm học 2021-2022 và 2022-2023 (Số 3627/QĐ- KT ngày 28 tháng 8 năm 2023 UBND Tp.HCM cấp)

* Giấy khen các thành tích năm học 2023-2024:

- Thành tích xuất sắc trong hoạt động Tháng thanh niên năm 2023 Chủ đề “Tuổi trẻ Tiên phong chuyển đổi số”

- Giải Khuyến khích Hội thi Trình diễn Áo dài tập thể

- Giải Ba Hội thi “Tìm hiểu về cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh”

- Thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2023

- Gương điển hình Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm học 2022-2023

- Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và hoạt động công đoàn năm học 2022-2023

- Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” năm 2023

- Thành tích trong chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

- Thành tích xuất sắc trong công tác Chữ thập đỏ trường học năm học 2022-2023

- Thành tích xuất sắc trong công tác Khuyến học Quận 5 năm 2023

- Gương điển hình Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm học 2023, năm 2024

- Thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2024

- Thành tích xuất sắc trong hoạt động Tháng thanh niên năm 2024 Chủ đề “Thanh niên xung kích tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng”

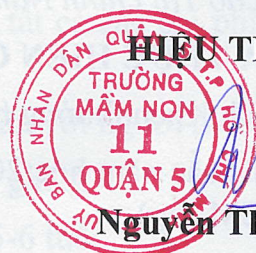
- Giải C Liên hoan Aerobic Khối Mầm non-Tiểu học Quận 5-Năm 2024

- Giải Khuyến khích Hội thi tiểu phẩm Chủ đề “Chấm dứt bạo lực, vun đắp yêu thương”

- Giải Ba Hội thi Standee “Nét đẹp văn hóa giao tiếp ứng xử” năm 2024./.

Nơi nhận:

- Công khai trên web;
- Bảng tin.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁN ĐO NĂM HỌC 2023 - 2024

Các nhóm trẻ/ lớp MG	TSHS		NỮ		QUẬN 5				CÁN						ĐO						KẾT LUẬN					
	NT	MG	LÁ	NT	MG	NT	MG	BT		SDD		DC - BP		BT		SDD		CHSVT		MÀN		BT				
								NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT
Nhà trẻ																										
Nhóm trẻ từ 24 đến 36 tháng tuổi.	29			15		13		29		0		0		29		0		0		0		0		29		
Tổng cộng NT	29			15		13		29		0		0		29		0		0		0		0		29		
Mẫu giáo																										
Mẫu giáo 3-4 tuổi																										
Màn 1		16			8		8		13		1		2		15		1		0		0		0	12		
Màn 2		17			9		12		16		0		1		17		0		0		0		0	16		
Màn 3		15			8		9		13		0		2		14		0		1		0		0	13		
Mẫu giáo 4-5 tuổi																										
Chồi 1		26			13		17		25		0		1		25		0		0		0		0	24		
Chồi 2		24			14		19		23		0		1		24		0		0		0		0	23		
Chồi 3		25			12		19		21		1		3		25		0		0		0		0	21		
Mẫu giáo 5-6 tuổi																										
Lá 1		25	15		15		12		24		1		0		24		1		0		0		0	23		
Lá 2		24	16		16		17		24		0		0		24		0		0		0		0	24		
Lá 3		27	12		12		20		27		0		0		27		0		0		0		0	27		
Tổng cộng MG		199	43		107		133		186		3		10		195		3		1		0		0	183		
TOÀN TRƯỞNG		228			122		146		215		3		10		224		3		1		0		0	212		
Tổng cộng (Nhập lại số tổng không đạt hàm)	29	199	43	15	107	13	133	29	186	0	3	0	10	29	195	0	3	0	1	0	0	0	29	183		



